

PHÂN TÍCH NHỮNG QUY ĐỊNH MỚI TẠI NGHỊ ĐỊNH SỐ 35/2023/NĐ-CP CÓ ẢNH HƯỞNG QUAN TRỌNG ĐẾN HOẠT ĐỘNG QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG SỬ DỤNG VỐN ĐẦU TƯ CÔNG VÀ VỐN NHÀ NƯỚC NGOÀI ĐẦU TƯ CÔNG

ANALYSIS OF NEW REGULATIONS IN DECREE NO. 35/2023/ND-CP THAT HAVE AN IMPORTANT IMPACT ON THE MANAGEMENT OF CONSTRUCTION INVESTMENT PROJECTS USING PUBLIC INVESTMENT CAPITAL AND NON-BUDGET STATE CAPITAL

ThS. Phan Việt Hiếu

Trung tâm ĐT&TV Quyết toán vốn đầu tư

Email: sotaykiemtoanxaydung@gmail.com

Điện thoại: 0987 65 61 61

Ngày nhận bài: 31/07/2023

Ngày gửi phản biện: 07/08/2023

Ngày chấp nhận đăng: 16/08/2023

Tóm tắt:

Nghị định số 35/2023/NĐ-CP ra đời trong bối cảnh các hệ thống pháp luật nói chung đang thay đổi rất nhiều. Đối với dự án đầu tư xây dựng sử dụng vốn đầu tư công, vốn nhà nước ngoài đầu tư công, Nghị định số 35/2023/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung rất nhiều vấn đề quan trọng liên quan đến quản dự án đầu tư xây dựng, quản lý chi phí đầu tư xây dựng, quản lý chất lượng công trình xây dựng, hợp đồng xây dựng.

Từ khóa: Nghị định số 35/2023/NĐ-CP, quản lý dự án đầu tư xây dựng, vốn đầu tư công, vốn nhà nước ngoài đầu tư công.

Abstract:

Decree No. 35/2023/ND-CP was born in the context that the legal system in general is changing a lot. For construction investment projects using public investment capital, non-budget state capital, Decree No. 35/2023/ND-CP amends and supplements many important issues related to project management construction investment, construction investment cost management, construction quality management, construction contract.

Keywords: Decree No. 35/2023/ND-CP, management of construction, invested capital settlement. , public investment capital, non-budget state capital.

1. Đặt vấn đề

Dự án đầu tư xây dựng sử dụng vốn đầu tư công, vốn nhà nước ngoài đầu tư công hiện đang được quản lý theo các quy định pháp luật về đầu tư công, pháp luật về xây dựng, pháp luật về đấu thầu và các quy định pháp luật khác có liên quan.

Việc thay đổi một quy định pháp luật tại hệ thống pháp luật này, sẽ ảnh hưởng trực tiếp và gián tiếp đến hệ thống pháp luật khác, từ đó ảnh hưởng đến hoạt động quản lý dự án đầu tư xây dựng.

Nghị định số 35/2023/NĐ-CP ra đời trong bối cảnh các hệ thống pháp luật nói chung và hệ thống pháp luật liên quan đến dự án đầu tư xây dựng sử dụng vốn đầu tư công, vốn nhà nước ngoài đầu tư công nói riêng đang thay đổi rất nhiều, và dự kiến sẽ còn phải thay đổi nhiều trong tương lai gần khi Luật Đấu thầu 2023 vừa được Quốc hội thông qua ngày 23/06/2023 và có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/01/2024.

Đối với dự án dự án đầu tư xây dựng sử dụng vốn đầu tư công, vốn nhà nước ngoài đầu tư công hiện đang được quy định chủ yếu tại:

- Nghị định số 37/2015/NĐ-CP ngày 22/04/2015 của Chính phủ quy định chi tiết về hợp đồng xây dựng đã được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 50/2021/NĐ-CP ngày 01/04/2021 của Chính phủ;
- Nghị định số 06/2021/NĐ-CP ngày 26/01/2021 của Chính phủ Quy định chi tiết một số nội dung về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng;
- Nghị định số 10/2021/NĐ-CP ngày 09/02/2021 của Chính phủ Về quản lý chi

phí đầu tư xây dựng;

- Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/03/2021 của Chính phủ Quy định chi tiết một số nội dung về quản lý dự án đầu tư xây dựng;

Bài phân tích dưới đây, sẽ góp phần làm rõ bản chất, nguyên nhân và ảnh hưởng của những quy định mới tại Nghị định số 35/2023/NĐ-CP đến hoạt động quản lý dự án đầu tư xây dựng sử dụng vốn đầu tư công, vốn nhà nước ngoài đầu tư công liên quan đến các Nghị định nêu trên.

2. Liên quan đến Nghị định số 37/2015/NĐ-CP ngày 22/04/2015 của Chính phủ quy định chi tiết về hợp đồng xây dựng đã được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 50/2021/NĐ-CP ngày 01/04/2021 của Chính phủ

Được sửa đổi, bổ sung tại Điều 9 Nghị định số 35/2023/NĐ-CP, bao gồm:

1. Sửa đổi, bổ sung khoản 3 Điều 18;
2. Sửa đổi, bổ sung đoạn đầu của khoản 5 Điều 18;

Tại khoản 2 Điều 9 Nghị định số 35/2023/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung khoản 5 Điều 18 Nghị định số 37/2015/NĐ-CP như sau: “*Mức tạm ứng hợp đồng không được vượt quá 30% giá trị hợp đồng tại thời điểm ký kết (bao gồm cả dự phòng nếu có)*” so với quy định cũ, mức tạm ứng hợp đồng tối đa giảm từ 50% xuống còn 30%.

Quy định điều chỉnh này thật ra không hoàn toàn mới, kể từ ngày Nghị định số 99/2021/NĐ-CP ngày 11/11/2021 của Chính phủ Quy định về quản lý, thanh toán, quyết toán dự án sử dụng vốn đầu tư công có hiệu lực thi hành (là ngày 01/01/2022) mức tạm

ứng hợp đồng tối đa: **“không được vượt quá 30% giá trị hợp đồng (bao gồm cả dự phòng nếu có)”**; nhưng đối tượng điều chỉnh của Nghị định này là thuần về quản lý “vốn đầu tư công”, từ đó gián tiếp ảnh hưởng đến quản lý hợp đồng xây dựng và phạm vi điều chỉnh chỉ áp dụng đối với dự án đầu tư công và vốn đầu tư công trong dự án đầu tư theo phương thức đối tác công tư (PPP).

Nhưng thực tiễn hiện nay cho thấy, kể từ thời điểm Nghị định số 99/2021/NĐ-CP có hiệu lực, các đơn vị chủ đầu tư, quản lý dự án đã chủ động điều chỉnh giảm mức tạm ứng hợp đồng tối đa từ 50% xuống còn 30% trong việc quản lý thực hiện hợp đồng xây dựng thuộc các dự án đầu tư xây dựng sử dụng **vốn đầu tư công và bao gồm cả vốn nhà nước ngoài đầu tư công**.

Mặc dù vậy, việc sửa đổi mức tạm ứng hợp đồng xây dựng tối đa quy định tại Nghị định số 37/2015/NĐ-CP là cần thiết nhằm đảm bảo tính thống nhất, đồng bộ với Nghị định số 99/2021/NĐ-CP ngày 11/11/2021 của Chính phủ Quy định về quản lý, thanh toán, quyết toán dự án sử dụng vốn đầu tư công.

3. Liên quan đến Nghị định số 10/2021/NĐ-CP ngày 09/02/2021 của Chính phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng

Được sửa đổi, bổ sung tại Điều 10 Nghị định số 35/2023/NĐ-CP, bao gồm:

1. Sửa đổi, bổ sung điểm a khoản 2 Điều 5;
2. Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 42;

Tại khoản 2 Điều 10 Nghị định số 35/2023/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 42 Nghị định số 10/2021/NĐ-CP, trong

đó bổ sung trách nhiệm của Bộ Tài chính như sau: **“Hướng dẫn việc quyết toán vốn nhà nước ngoài đầu tư công”**.

Theo quy định tại Nghị định số 10/2021/NĐ-CP, đối với dự án đầu tư xây dựng sử dụng **vốn đầu tư công** và bao gồm cả **vốn nhà nước ngoài đầu tư công** phải thực hiện quyết toán vốn đầu tư xây dựng sau khi hoàn thành bàn giao đưa vào sử dụng hoặc dừng thực hiện vĩnh viễn khi cấp có thẩm quyền có văn bản dừng hoặc cho phép chấm dứt thực hiện dự án.

Đối với dự án đầu tư xây dựng sử dụng vốn đầu tư công thực hiện quyết toán vốn đầu tư xây dựng theo Nghị định số 99/2021/NĐ-CP ngày 11 tháng 11 năm 2021 của Chính phủ và Thông tư số 96/2021/TT-BTC ngày 11 tháng 11 năm 2021 của Bộ Tài chính Quy định về hệ thống mẫu biểu sử dụng trong công tác quyết toán.

Tuy nhiên, đối với dự án đầu tư xây dựng sử dụng **vốn nhà nước ngoài đầu tư công** hiện nay chưa có văn bản quy định và hướng dẫn chi tiết cụ thể vì Nghị định số 10/2021/NĐ-CP không giao trách nhiệm hướng dẫn như các nghị định tiền nhiệm, từ đó phát sinh khoảng trống pháp lý, thiếu cơ sở đầy đủ để chủ đầu tư thực hiện vốn đầu tư xây dựng, các đơn vị chủ đầu tư phải đang tạm vận dụng Nghị định số 99/2021/NĐ-CP và Thông tư số 96/2021/TT-BTC để thực hiện.

Vì vậy, việc bổ sung trách nhiệm của Bộ Tài chính về hướng dẫn việc quyết toán vốn nhà nước ngoài đầu tư công là thực sự cần thiết và cấp bách, để đảm bảo cơ sở pháp lý cho hoạt động quyết toán vốn đầu tư dự án đầu tư xây dựng sử dụng vốn nhà nước

ngoài đầu tư công.

Đây là điểm mới rất quan trọng, các chủ đầu tư cần cập nhật tinh thần của Nghị định số 35/2023/NĐ-CP cũng như trong thời gian tới, cần cập nhật kịp thời các văn bản hướng dẫn của Bộ Tài chính về vấn đề này.

4. Liên quan đến Nghị định số 06/2021/NĐ-CP ngày 26/01/2021 của Chính phủ Quy định chi tiết một số nội dung về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng

Được sửa đổi, bổ sung tại Điều 11 Nghị định số 35/2023/NĐ-CP, bao gồm:

1. Sửa đổi, bổ sung khoản 4, bổ sung khoản 4a vào sau khoản 4 Điều 7;
- 2. Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 17;**
3. Sửa đổi, bổ sung điểm a khoản 3 Điều 19;
4. Sửa đổi, bổ sung khoản 6 Điều 21;
5. Sửa đổi, bổ sung một số khoản, điểm của Điều 23;
6. Sửa đổi, bổ sung một số khoản, điểm của Điều 24;
7. Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 27;
8. Sửa đổi, bổ sung khoản 3 và bổ sung khoản 3a vào sau khoản 3 Điều 53;
9. Thay thế Phụ lục VII tại Phụ lục V kèm theo Nghị định này.

4.1. Về quản lý khối lượng thi công xây dựng

Quản lý khối lượng thi công xây dựng công trình là một trong các nội dung quản lý thi công xây dựng công trình. Theo khoản 2 Điều 17 Nghị định số 06/2021/NĐ-CP quy định: *"Khối lượng thi công xây dựng được tính toán, xác nhận giữa chủ đầu tư, nhà thầu thi công xây dựng, tư vấn giám sát theo thời gian hoặc giai đoạn thi công và được đối chiếu*

với khối lượng thiết kế được duyệt để làm cơ sở nghiệm thu, thanh toán theo hợp đồng."

Và được sửa đổi, bổ sung tại khoản 2 Điều 11 Nghị định số 35/2023/NĐ-CP như sau: Nghị định số 35/2023/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung như sau: *"Khối lượng thi công xây dựng được tính toán, xác nhận giữa người giám sát thi công xây dựng của chủ đầu tư, nhà thầu thi công xây dựng theo thời gian hoặc giai đoạn thi công và được đối chiếu với khối lượng thiết kế được duyệt để làm cơ sở nghiệm thu, thanh toán theo hợp đồng"*.

Thành phần có trách nhiệm tham gia tính toán, xác nhận khối lượng thi công đã có sự thay đổi, trách nhiệm của phía bên giao thầu (chủ đầu tư và tư vấn giám sát của chủ đầu tư) được quy định cụ hơn là **người giám sát thi công xây dựng của chủ đầu tư**, nêu bậc trách nhiệm trước chủ đầu tư và pháp luật của người giám sát thi công.

4.2. Về thẩm quyền kiểm tra công tác nghiệm thu

Theo khoản 2 Điều 24 Nghị định số 06/2021/NĐ-CP, thẩm quyền kiểm tra công tác nghiệm thu (trừ công trình phục vụ quốc phòng, an ninh do Bộ trưởng Bộ Quốc phòng, Bộ trưởng Bộ Công an quy định) hiện đang được quy định phân gồm 03 đối tượng cơ quan từ trung ương đến địa phương - tương ứng với từng đối tượng công trình, bao gồm:

- (1) Hội đồng do Thủ tướng Chính phủ thành lập;
- (2) Cơ quan chuyên môn về xây dựng thuộc Bộ quản lý công trình xây dựng chuyên ngành;
- (3) Cơ quan chuyên môn về xây dựng

thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh;

Tại khoản 6 Điều 11 Nghị định số 35/2023/NĐ-CP đã bổ sung thêm:

(4) Cơ quan chuyên môn về xây dựng thuộc Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội, Thành phố Hồ Chí Minh - thực hiện kiểm tra công trình thuộc dự án được đầu tư bằng nguồn vốn đầu tư công do Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố quyết định đầu tư hoặc phân cấp, ủy quyền quyết định đầu tư, trừ các công trình quy định Hội đồng do Thủ tướng Chính phủ thành lập thực hiện (1).

Và đồng thời, tăng cường phân cấp thẩm quyền thực hiện kiểm tra từ trung ương - Cơ quan chuyên môn về xây dựng thuộc Bộ quản lý công trình xây dựng chuyên ngành (2) cho địa phương - Cơ quan chuyên môn về xây dựng thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (3), Cơ quan chuyên môn về xây dựng thuộc Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội, Thành phố Hồ Chí Minh (4) và cụ thể:

- Công trình thuộc dự án do cơ quan trung ương quyết định đầu tư hoặc phân cấp, ủy quyền quyết định đầu tư; công trình thuộc dự án do các tập đoàn kinh tế nhà nước quyết định đầu tư hoặc làm chủ đầu tư;

- Công trình thuộc dự án đầu tư xây dựng chỉ cần lập Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng;

- Công trình thuộc dự án được đầu tư bằng nguồn vốn đầu tư công do Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố quyết định đầu tư hoặc phân cấp, ủy quyền;

Việc bổ sung Cơ quan chuyên môn về xây dựng thuộc Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội, Thành phố Hồ Chí Minh để đồng bộ với hệ thống cơ quan chuyên môn về xây dựng

theo Nghị định số 15/2021/NĐ-CP.

Và tăng cường phân cấp sẽ góp phần đẩy nhanh công tác kiểm tra nghiệm thu, nhanh chóng đưa tài sản vào sử dụng, quyết toán hợp đồng xây dựng cũng như quyết toán vốn đầu tư dự án hoàn thành, nhưng đồng thời tăng khối lượng công việc cho các Cơ quan chuyên môn về xây dựng thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội, Thành phố Hồ Chí Minh.

5. Liên quan đến Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quản lý dự án đầu tư xây dựng

Được sửa đổi, bổ sung tại Điều 12 Nghị định số 35/2023/NĐ-CP, bao gồm:

1. Sửa đổi, bổ sung điểm a khoản 1 Điều 4;

2. Sửa đổi, bổ sung điểm c khoản 3 Điều 5;

3. Bổ sung khoản 3 Điều 11;

4. Sửa đổi, bổ sung khoản 4, đoạn đầu của khoản 5 Điều 12;

4. Sửa đổi, bổ sung một số khoản, điểm của Điều 13;

6. Sửa đổi, bổ sung điểm d khoản 3 Điều 14;

7. Sửa đổi, bổ sung một số khoản, điểm của Điều 15;

8. Bổ sung khoản 5 Điều 19;

9. Sửa đổi, bổ sung khoản 2, khoản 3 Điều 21;

10. Sửa đổi, bổ sung một số khoản, điểm của Điều 36;

11. Sửa đổi, bổ sung điểm b khoản 3 Điều 37;

12. Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 41;

13. Bãi bỏ khoản 3 Điều 41;

- 14. Bổ sung Điều 41a vào sau Điều 41;
- 14. Bổ sung điểm đ khoản 1 Điều 43;
- 16. Sửa đổi, bổ sung điểm a khoản 1 Điều 53;

17. Sửa đổi, bổ sung điểm b, điểm c khoản 3 Điều 62;

- 18. Sửa đổi, bổ sung một số điểm, khoản Điều 63;
- 19. Bổ sung khoản 3 Điều 64;
- 20. Sửa đổi, bổ sung điểm b khoản 3 Điều 67;
- 21. Sửa đổi, bổ sung khoản 1, khoản 2 Điều 71;
- 22. Sửa đổi, bổ sung điểm a, điểm b khoản 2 Điều 72;
- 23. Sửa đổi, bổ sung một số khoản, điểm của Điều 76;
- 24. Sửa đổi, bổ sung khoản, điểm của Điều 77;
- 24. Sửa đổi, bổ sung điểm c khoản 1 Điều 81;

26. Sửa đổi, bổ sung một số khoản, điểm của Điều 83;

- 27. Sửa đổi, bổ sung một số khoản, điểm của Điều 84;
- 28. Sửa đổi, bổ sung một số khoản, điểm của Điều 86;
- 29. Sửa đổi, bổ sung một số khoản, điểm của Điều 87;
- 30. Sửa đổi, bổ sung khoản 6 Điều 89;
- 31. Sửa đổi, bổ sung điểm b khoản 1 Điều 90;
- 32. Sửa đổi, bổ sung một số khoản, điểm của Điều 93;
- 33. Sửa đổi, bổ sung khoản 3 Điều 104;
- 34. Bổ sung Điều 104a vào sau Điều 104;
- 34. Sửa đổi, bổ sung một số khoản**

Điều 109;

- 36. Sửa đổi, bổ sung một số khoản của Điều 110;
- 37. Thay thế cụm từ “cấp mới” tại khoản 1 Điều 78 bằng cụm từ “cấp lần đầu”; thay thế cụm từ “nâng hạng” tại khoản 1 Điều 78 bằng cụm từ “điều chỉnh hạng”.
- 38. Thay thế Mẫu số 02, Mẫu số 03; bổ sung Mẫu số 02a, Mẫu số 03a Phụ lục I tại Phụ lục VI kèm theo Nghị định này.
- 39. Sửa đổi, bổ sung một số nội dung tại các Phụ lục II, IV, VI, VII và IX tại Phụ lục VII kèm theo Nghị định này.

Trong đó, một số nội dung quan trọng:

5.1. Làm rõ đối tượng dự án đầu tư xây dựng được phép lập Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng:

Nghị định số 15/2021/NĐ-CP quy định dùng từ “Dự án đầu tư xây dựng có nội dung chủ yếu là mua sắm hàng hóa, cung cấp dịch vụ, lắp đặt **thiết bị công trình** hoặc dự án sửa chữa, cải tạo không ảnh hưởng đến an toàn chịu lực công trình có giá trị chi phí phân xây dựng dưới 10% tổng mức đầu tư và không quá 05 tỷ đồng (trừ dự án quan trọng quốc gia, dự án nhóm A, dự án đầu tư theo phương thức đối tác công tư)”

Được sửa đổi, bổ sung điểm c khoản 3 Điều 5: “c) Dự án đầu tư xây dựng có nội dung chủ yếu là mua sắm hàng hóa, cung cấp dịch vụ, lắp đặt **thiết bị** hoặc dự án sửa chữa, cải tạo không ảnh hưởng đến an toàn chịu lực công trình có chi phí xây dựng (không bao gồm chi phí thiết bị) dưới 10% tổng mức đầu tư và không quá 05 tỷ đồng (trừ dự án quan trọng quốc gia, dự án nhóm A, dự án đầu tư theo phương thức đối tác công tư).”

Luật Xây dựng 2014 (được sửa đổi, bổ sung theo Luật số 62/2020/QH14) giải thích thiết bị lắp đặt vào công trình gồm hai đối tượng:

- Thiết bị công trình: là thiết bị được lắp đặt vào công trình xây dựng theo thiết kế xây dựng;

- Thiết bị công nghệ: là thiết bị nằm trong dây chuyền công nghệ được lắp đặt vào công trình xây dựng theo thiết kế công nghệ;

Nên Nghị định số 15/2021/NĐ-CP quy định dùng từ “...**thiết bị công trình**...” là một cụm từ chưa chính xác, làm thay đổi bản chất đối tượng dự án thuộc phạm vi điều chỉnh đối với điều khoản này.

Vi vậy, việc sửa đổi, làm rõ nội dung này là cần thiết.

5.2. Bổ sung biểu Mẫu số 02a, 03a trong hoạt động thẩm định, phê duyệt dự án chỉ cần lập Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng:

Sửa đổi, bổ sung khoản 4 Điều 12 như sau: “*Kết quả thực hiện thẩm định Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng tham khảo theo **Mẫu số 02a** Phụ lục I Nghị định này. Quyết định phê duyệt dự án chỉ cần lập Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng sử dụng vốn đầu tư công, vốn nhà nước ngoài đầu tư công thực hiện theo **Mẫu số 03a** Phụ lục I Nghị định này.*”

Việc bổ sung 02 biểu mẫu này không phải là một sự thay đổi mang tính bản chất, tuy nhiên sẽ tạo thuận tiện, thuận lợi cho các cá nhân, đơn vị trong hoạt động thẩm định, phê duyệt dự án đầu tư xây dựng chỉ cần lập Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng, tránh được xác xung đột về mặt quan

điểm riêng của từng cá nhân, đơn vị.

Nên đây cũng có thể xem là một thay đổi quan trọng và làm tăng hiệu quả phối hợp, rút ngắn thời gian thẩm định, phê duyệt.

5.3. Tăng cường phân cấp thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng & Thiết kế triển khai sau thiết kế cơ sở của cơ quan chuyên môn về xây dựng:

Tại khoản 2 Điều 12 và khoản 10 Điều 12 Nghị định số 35/2023/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số khoản, điểm của Điều 13 và một số khoản, điểm của Điều 36 Nghị định số 15/2021/NĐ-CP đã tăng cường phân cấp thẩm quyền thẩm định một số đối tượng dự án, công trình thuộc thẩm quyền của Cơ quan chuyên môn về xây dựng thuộc Bộ quản lý công trình xây dựng chuyên ngành cho Cơ quan chuyên môn về xây dựng thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, cụ thể:

5.3.1. Thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng - Dự án đầu tư xây dựng sử dụng vốn đầu tư công:

- Dự án nhóm B do người đứng đầu cơ quan trung ương **phân cấp, ủy quyền** quyết định đầu tư;

- Dự án nhóm B có **công trình cấp II** trở xuống do người đứng đầu cơ quan trung ương quyết định đầu tư;

- Dự án nhóm C thuộc chuyên ngành quản lý, do Bộ quản lý công trình xây dựng chuyên ngành (mà cơ quan chuyên môn về xây dựng này trực thuộc) **phân cấp, ủy quyền** quyết định đầu tư.

5.3.2. Thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng - Dự án đầu tư

xây dựng sử dụng vốn nhà nước ngoài đầu tư công:

- Dự án nhóm B có **công trình cấp II** trở xuống do người đứng đầu cơ quan trung ương, tập đoàn kinh tế, tổng công ty nhà nước **quyết định đầu tư hoặc phân cấp, ủy quyền** quyết định đầu tư;

- Dự án nhóm C thuộc chuyên ngành quản lý, do Bộ quản lý công trình xây dựng chuyên ngành (mà cơ quan chuyên môn về xây dựng này trực thuộc) **phân cấp, ủy quyền** quyết định đầu tư;

- Dự án nhóm C có **công trình cấp đặc biệt, cấp I** trừ Dự án thuộc chuyên ngành quản lý do Bộ quản lý công trình xây dựng chuyên ngành (mà cơ quan chuyên môn về xây dựng này trực thuộc) quyết định đầu tư.

5.3.3. Thẩm định thiết kế triển khai sau thiết kế cơ sở - Công trình xây dựng thuộc dự án sử dụng vốn đầu tư công:

- Công trình thuộc Dự án nhóm B do người đứng đầu cơ quan trung ương do người đứng đầu cơ quan trung ương **phân cấp, ủy quyền** quyết định đầu tư;

- Công trình thuộc Dự án nhóm B có **công trình cấp II** trở xuống do người đứng đầu cơ quan trung ương quyết định đầu tư;

- Công trình thuộc Dự án nhóm C thuộc chuyên ngành quản lý, do Bộ quản lý công trình xây dựng chuyên ngành (mà cơ quan chuyên môn về xây dựng này trực thuộc) **phân cấp, ủy quyền** quyết định đầu tư.

5.3.4. Thẩm định thiết kế triển khai sau thiết kế cơ sở - Công trình xây dựng thuộc dự án sử dụng vốn nhà nước ngoài đầu tư công:

- Công trình thuộc Dự án nhóm B có **công trình cấp II** trở xuống do người đứng đầu cơ quan trung ương, tập đoàn kinh tế, tổng công ty nhà nước **quyết định đầu tư hoặc phân cấp, ủy quyền** quyết định đầu tư;

- Công trình thuộc Dự án nhóm C thuộc chuyên ngành quản lý, do Bộ quản lý công trình xây dựng chuyên ngành (mà cơ quan chuyên môn về xây dựng này trực thuộc) **phân cấp, ủy quyền** quyết định đầu tư;

- Công trình thuộc Dự án nhóm C có **công trình cấp đặc biệt, cấp I**.

5.4. Bổ sung “giấy phép môi trường” vào thành phần hồ sơ trình thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng, thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở tại cơ quan chuyên môn về xây dựng:

Tại khoản 6 Điều 12 và khoản 11 Điều 12 Nghị định số 35/2023/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung điểm d khoản 3 Điều 14 và điểm b khoản 3 Điều 37 Nghị định số 15/2021/NĐ-CP đã bổ sung **“giấy phép môi trường”** vào thành phần hồ sơ trình thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng, thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở tại cơ quan chuyên môn về xây dựng.

Giấy phép môi trường là văn bản do cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền cấp cho tổ chức, cá nhân có hoạt động sản xuất, kinh doanh, dịch vụ được phép xả chất thải ra môi trường, quản lý chất thải, nhập khẩu phế liệu từ nước ngoài làm nguyên liệu sản xuất kèm theo yêu cầu, điều kiện về bảo vệ môi trường theo quy định của pháp luật.

Việc bổ sung giấy phép môi trường là

phù hợp với Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 và Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 Quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường vì quy định pháp luật về bảo vệ môi trường trước đây chưa có quy định này.

Vì vậy, việc sửa đổi, làm rõ nội dung này là cần thiết.

5.4. Bổ sung quy định về điều chỉnh dự án chỉ cần lập Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng:

Tại điểm a khoản 7 Điều 12 Nghị định số 35/2023/NĐ-CP bổ sung khoản 5 Điều 19 Nghị định số 15/2021/NĐ-CP như sau: “4. Việc điều chỉnh dự án chỉ cần lập Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng do người quyết định đầu tư xem xét quyết định và được quy định cụ thể như sau:

a) Trường hợp điều chỉnh làm tăng tổng mức đầu tư xây dựng **vượt quá 10%** mức quy định được lập Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng theo quy định tại điểm b, điểm c khoản 3 Điều 5 của Nghị định này thì **phải lập Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng điều chỉnh và việc thẩm định điều chỉnh** thực hiện theo quy định tại khoản 2, khoản 3 và khoản 4 Điều này.

Trường hợp **chỉ điều chỉnh tổng mức đầu tư xây dựng** mà **không điều chỉnh thiết kế xây dựng** thì không yêu cầu lập thiết kế cơ sở mà được sử dụng thiết kế bản vẽ thi công trong Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng để lập Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng điều chỉnh và triển khai các bước tiếp theo;

b) Trường hợp chỉ điều chỉnh thiết kế bản vẽ thi công và không làm thay đổi các nội

dung quy định tại khoản 2 Điều này, không thuộc trường hợp quy định tại điểm a khoản này, sau khi được người quyết định đầu tư cho phép điều chỉnh dự án, chủ đầu tư thực hiện thẩm định và phê duyệt các nội dung điều chỉnh.”

Việc bổ sung này đã làm rõ các vấn đề rất quan trọng:

(1) Quy định rõ hạn mức, các trường hợp khi điều chỉnh dự án chỉ cần lập Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng bắt buộc phải lập Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng (điều chỉnh), từ đó tạo cơ sở pháp lý để giải quyết rất nhiều trường hợp thực tế đang vướng mắc.

Ví dụ: Điều chỉnh Dự án khi phát sinh tăng khoản mục chi phí bồi thường, hỗ trợ và tái định cư làm tăng tổng mức đầu tư vượt 15 tỷ đồng có phải lập hồ sơ Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng (điều chỉnh) hay không? Và nếu phải lập hồ sơ Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng (điều chỉnh) thì có phải lập thiết kế cơ sở hay không (vì thiết kế cơ sở là một nội dung của Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng)?

- Trường hợp 01: điều chỉnh Dự án làm tăng tổng mức đầu tư thành 16 tỷ đồng: Không cần lập Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng (điều chỉnh) vì không làm tổng mức đầu tư xây dựng vượt quá 10% mức quy định được lập Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng (không quá 16,5 tỷ đồng).

- Trường hợp 02: điều chỉnh Dự án làm tăng tổng mức đầu tư thành 17 tỷ đồng: Phải lập tăng Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư

xây dựng (điều chỉnh) vì làm tăng tổng mức đầu tư xây dựng vượt quá 10% mức quy định được lập Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng. Nhưng không yêu cầu lập thiết kế cơ sở mà được sử dụng thiết kế bản vẽ thi công trong Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng để lập Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng điều chỉnh vì không điều chỉnh thiết kế xây dựng.

(2) Quy định trường hợp điều chỉnh chủ đầu tư thực hiện thẩm định và phê duyệt các nội dung điều chỉnh.

Trường hợp chỉ điều chỉnh thiết kế bản vẽ thi công và không làm thay đổi các nội dung:

a) Không thay đổi mục tiêu, quy mô sử dụng đất, quy mô đầu tư xây dựng;

b) Không thay đổi chỉ tiêu quy hoạch, kiến trúc của dự án tại quy hoạch chi tiết xây dựng, quy hoạch có tính chất kỹ thuật chuyên ngành khác hoặc quyết định/chấp thuận chủ trương đầu tư được phê duyệt;

c) Không **tăng tổng mức đầu tư dự án** đối với dự án sử dụng vốn đầu tư công, dự án sử dụng vốn nhà nước ngoài đầu tư công;

d) Không thay đổi giải pháp bố trí các công năng chính trong công trình dẫn đến yêu cầu phải đánh giá lại về giải pháp thiết kế bảo đảm an toàn xây dựng, phòng, chống cháy, nổ, bảo vệ môi trường, sự tuân thủ quy chuẩn kỹ thuật của dự án.

Và không thuộc trường hợp quy định tại điểm a khoản này, sau khi được người quyết định đầu tư cho phép điều chỉnh dự án, chủ đầu tư thực hiện thẩm định và phê duyệt các nội dung điều chỉnh.

Ngoài ra, tại khoản 35 Điều 12 Nghị định số 35/2023/NĐ-CP bổ sung khoản 4 Điều

109 Nghị định số 15/2021/NĐ-CP cũng đã quy định Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm ban hành quy trình thẩm định, phê duyệt, điều chỉnh Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng các dự án sử dụng vốn đầu tư công, vốn nhà nước ngoài đầu tư công do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã quyết định đầu tư.

Việc điều chỉnh, bổ sung quy định về điều chỉnh dự án chỉ cần lập Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng là một trong những điểm mới có ảnh hưởng quan trọng nhất đến hoạt động quản lý dự án đầu tư xây dựng sử dụng vốn đầu tư công, vốn nhà nước ngoài đầu tư công của Nghị định số 35/2023/NĐ-CP.

5.4. Bãi bỏ quy định cá nhân, tổ chức không yêu cầu phải có chứng chỉ hành nghề, chứng chỉ năng lực khi tham gia các hoạt động xây dựng đối với công trình cấp IV

Tại khoản 17 Điều 12 và khoản 26 Điều 12 Nghị định số 35/2023/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung điểm b, điểm c khoản 3 Điều 62 và một số khoản, điểm của Điều 83 Nghị định số 15/2021/NĐ-CP đã bãi bỏ quy định cá nhân, tổ chức khi tham gia các hoạt động xây dựng đối với công trình cấp IV không yêu cầu phải có chứng chỉ hành nghề trường hợp cá nhân phải có chứng chỉ hành nghề, chứng chỉ năng lực trừ trường hợp đối với nhà ở riêng lẻ quy định tại điểm b khoản 7 Điều 79 Luật Xây dựng số 50/2014/QH13.

Việc sửa đổi nội dung này là phù hợp với hệ thống quy định pháp luật về quản lý hoạt động xây dựng nói chung và phân

cấp công trình theo Thông tư số 06/2021/TT-BXD nói riêng. Vì theo thông tư này, trừ loại công trình dân dụng, công nghiệp (chủ yếu là công trình cấp III trở lên) thì đa số công trình cấp IV của các loại công trình khác cũng có nhiều công trình phức tạp và cần thiết phải yêu cầu năng lực đối với cá nhân, tổ chức khi tham gia hoạt động xây dựng các công trình này.

Vì vậy, việc sửa đổi nội dung này là hết sức cần thiết, các chủ đầu tư, cơ quan chuyên môn, tổ chức, cá nhân cần lưu ý cập nhật quy định mới này để quản lý, thẩm định, tham gia hoạt động xây dựng đảm bảo đúng quy định pháp luật.

Ngoài những nội dung được phân tích nêu trên, Nghị định số 35/2023/NĐ-CP cũng sửa đổi, bổ sung một số nội dung khác như:

- Phân định trách nhiệm tổ chức quản lý chất lượng, giám sát thi công xây dựng giữa chủ đầu tư và tổng thầu (áp dụng hình thức hợp đồng chìa khóa trao tay), giữa chủ đầu tư và tổng thầu EPC (hợp đồng tổng thầu thiết kế - mua sắm vật tư, thiết bị - thi công xây dựng công trình chìa

khóa trao tay);

- Thẩm quyền thành lập và tổ chức hoạt động của Ban quản lý dự án chuyên ngành, Ban quản lý dự án khu vực đối với dự án sử dụng vốn đầu tư công được xác định theo quy định của pháp luật về đơn vị sự nghiệp công lập;

- Quy định thời hạn trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ đã đóng dấu thẩm định người đề nghị thẩm định có trách nhiệm nộp bản chụp (định dạng .PDF) tài liệu Báo cáo nghiên cứu khả thi, thiết kế xây dựng đã đóng dấu thẩm định cho cơ quan chuyên môn về xây dựng;

- Quy định thời hạn phải có kết quả thủ tục về phòng cháy và chữa cháy gửi cơ quan chuyên môn về xây dựng trước thời hạn thông báo kết quả thẩm định 05 ngày làm việc trong hồ sơ trình thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng, trình thẩm định thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở tại cơ quan chuyên môn về xây dựng;

- Và rất nhiều quy định sửa đổi liên quan đến điều kiện năng lực hoạt động xây dựng của cá nhân, tổ chức./.

Tài liệu tham khảo

[1]. Chính phủ (2023), *Nghị định số 35/2023/NĐ-CP ngày 20/06/2023 sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng*, Hà Nội, hiệu lực thi hành kể từ ngày 20/06/2023.

[2]. Quốc hội (2023), *Luật Đấu thầu số 23/2023/QH15 ngày 23/06/2023*, Hà Nội, hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/01/2024.

[3]. Chính phủ (2015), *Nghị định số 37/2015/NĐ-CP ngày 22/04/2015 Quy định chi tiết về hợp đồng xây dựng*, Hà Nội, hiệu lực thi hành kể từ ngày 15/06/2015.

[4]. Chính phủ (2021), *Nghị định số 50/2021/NĐ-CP ngày 01/04/2021 Sửa đổi, bổ sung một số điều của nghị định số 37/2015/NĐ-CP ngày 22 tháng 4 năm 2015 của Chính phủ*

quy định chi tiết về hợp đồng xây dựng, Hà Nội, hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/04/2021.

[5]. Chính phủ (2021), *Nghị định số 06/2021/NĐ-CP ngày 26/01/2021 quy định chi tiết một số nội dung về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng*, Hà Nội, hiệu lực thi hành kể từ ngày 26/01/2021.

[6]. Chính phủ (2021), *Nghị định số 10/2021/NĐ-CP ngày 09/02/2021 về quản lý chi phí đầu tư xây dựng*, Hà Nội, hiệu lực thi hành kể từ ngày 09/02/2021.

[7]. Chính phủ (2021), *Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/03/2021 quy định chi tiết một số nội dung về quản lý dự án đầu tư xây dựng*, Hà Nội, hiệu lực thi hành kể từ ngày 03/03/2021.

[8]. Chính phủ (2021), *Nghị định số 99/2021/NĐ-CP ngày 11/11/2021 Quy định về quản lý, thanh toán, quyết toán dự án sử dụng vốn đầu tư công*, Hà Nội, hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/01/2022.

[9]. Bộ Tài chính (2021), *Thông tư số 96/2021/TT-BTC ngày 11/11/2021 quy định về hệ thống mẫu biểu sử dụng trong công tác quyết toán*, Hà Nội, hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/01/2022.

[10]. Quốc hội (2014), *Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/06/2014*, Hà Nội, hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/01/2015.

[11]. Quốc hội (2020), *Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng số 62/2020/QH14 ngày 17/06/2020*, Hà Nội, hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/01/2021.

[12]. Quốc hội (2020), *Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14 ngày 17/11/2020*, Hà Nội, hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/01/2022.

[13]. Chính phủ (2022), *Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường*, Hà Nội, hiệu lực thi hành kể từ ngày 10/01/2022.